TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 16 -THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH** THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 36/2025/QĐST-LĐ	*TP.Hồ Chí Minh, ngày 15 tháng 8 năm 2025*

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG

V/v yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 16 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Thành phần giải quyết việc dân sự gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: bà Phan Thị Hiền.

***Thư ký phiên họp*:** bà Phùng Kim Ngân - Thư ký Toà án.

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên họp*:** bà Bùi Thị Xuân Tình - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 8 năm 2025, tại trụ sở Toà án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số: 156/2025/TLST-LĐ ngày 30 tháng 7 năm 2025 về việc "Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu" theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số: 37/2025/QĐST-LĐ ngày 11 tháng 8 năm 2025, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

Người yêu cầu: Bà Lang Thị Y, sinh năm: 1993; thường trú: Khóm N, phường C, tỉnh Cà Mau; tạm trú: Tổ D, khu phố H, phường T, Thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Lang Thị T, sinh năm: 1992; thường trú: Đường Đ, khu phố B, phường B, thành phố Hồ Chí Minh. Có yêu cầu giải quyết vắng mặt.

2. Công ty TNHH N, địa chỉ: khu phố B, phường B, thành phố T, tỉnh Bình Dương (nay là phường T, thành phố Hồ Chí Minh). Vắng mặt.

3. Bảo hiểm xã hội cơ sở T2, Thành phố Hồ Chí Minh; địa chỉ: Số A, đường L, phường B, thành phố Hồ Chí Minh. Vắng mặt.

NỘI DUNG VIỆC DÂN SỰ:

Tại đơn yêu cầu, bản tự khai, bà Lang Thị Y trình bày: Từ tháng 7/2013 đến nay bà Y làm việc tại Công ty TNHH M và có đóng bảo hiểm xã hội số: 7413011291. Cùng thời gian đó, bà Y cho bà Lang Thị T sử dụng thông tin cá nhân để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH N tông từ tháng 07/2013 đến tháng 03/2014.

Do đó, bà Y bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 07/2013 đến

tháng 03/2014, đây là thời gian bà Lang Thị T mượn hồ sơ lao động của bà Y. Nay bà Y yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên Hợp đồng lao động ký kết từ tháng 07/2013 đến tháng 03/2014 giữa bà Lang Thị Y (thực tế là bà Lang Thị T) và Công ty TNHH N T1 là vô hiệu.

Về hậu quả của việc tuyên bố hợp đồng lao động thì bà Y không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan bà Lang Thị T trình bày:

Từ tháng 07/2013 đến tháng 03/2014 bà Lang Thị T sử dụng thông tin của bà Lang Thị Y để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH N T1. Đồng thời gian đó, từ tháng 07/2013 đến nay bà Lang Thị Y có làm việc tại Công ty TNHH M. Do đó, bà Y bị trùng thời gian tham gia bảo hiểm từ tháng 07/2013 đến tháng 03/2014 tương đương với thời gian bà Lang Thị T mượn hồ sơ lao động của bà Lang Thị Y. Nay bà Lang Thị Y yêu cầu Tòa án giải quyết tuyên hợp đồng lao động từ tháng 07/2013 đến tháng 03/2014 ký kết giữa bà Lang Thị Y (thực tế là bà Lang Thị T) và Công ty TNHH N vô hiệu. Bà T đồng ý yêu cầu của bà Y1 về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, không yêu cầu Tòa án giải quyết hậu quả của hợp đồng.

- Bảo hiểm xã hội cơ sở Tân Uyên - Bảo hiểm xã hội Thành phố H không có ý kiến gì.

- Công ty TNHH N vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng và không cung cấp văn bản trình bày ý kiến.

- Tại phiên họp, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến về việc giải quyết việc dân sự và đề nghị:

Quá trình tố tụng, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa và đương sự đã chấp hành theo đúng quy định của pháp luật.

Về nội dung: xét thấy, yêu cầu của người yêu cầu là có căn cứ, đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Y.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc dân sự được thẩm tra tại phiên họp, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Tòa án nhân dân Khu vực 16 - Thành phố Hồ Chí Minh nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Người yêu cầu bà Lang Thị Y, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lang Thị T có yêu cầu giải quyết vắng mặt. Bảo hiểm xã hội cơ sở T2, người đại diện hợp pháp của Công ty TNHH N vắng mặt. Căn cứ Điều 367 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành phiên họp vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung: Quá trình tố tụng, các đương sự khai thống nhất: trong thời gian từ tháng 07/2013 đến tháng 03/2014, người lao động tên Lang Thị Y, sinh năm 1993, số căn cước công dân 038193046791 và Công ty TNHH N ký kết hợp đồng lao động. Quan hệ lao động giữa Công ty TNHH N và bà Lang Thị

Y phát sinh từ hợp đồng lao động tháng 07/2013. Tuy nhiên, bà Lang Thị Y và bà Lang Thị T thừa nhận người ký hợp đồng lao động với Công ty TNHH N và thực tế làm việc tại Công ty T3 khoảng thời gian từ tháng 07/2013 đến tháng 03/2014 theo hợp đồng lao động là bà Lang Thị T chứ không phải bà Lang Thị Y. Do bà T mượn chứng minh nhân dân, giấy tờ của bà Y để đi làm việc. Mục đích mượn giấy tờ là để bà T có việc làm. Trình bày của bà Y và bà T phù hợp với hồ sơ bảo hiểm xã hội thể hiện trong thời gian từ tháng 07/2013 đến tháng 03/2014 bà Lang Thị Y có quá trình tham gia bảo hiểm xã hội tại Công ty TNHH N và Công ty TNHH M. Xét thấy, việc bà T lấy tên bà Y để giao kết hợp đồng lao động là hành vi lừa dối về mặt chủ thể khi xác lập giao dịch dân sự, vi phạm nguyên tắc tự nguyện, bình đẳng, hợp tác, tôn trọng quyền và lợi ích hợp pháp của nhau khi xác lập quan hệ lao động.

[3] Theo quy định về nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động tại khoản 2 Điều 19 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: "*Người lao động phải cung cấp thông tin cho người sử dụng lao động về họ tên, tuổi, giới tính, nơi cư trú, trình độ học vấn, trình độ kỹ năng nghề, tình trạng sức khoẻ và vấn đề khác liên quan trực tiếp đến việc giao kết hợp đồng lao động mà người sử dụng lao động yêu cầu*". Theo quy định về hợp đồng lao động vô hiệu tại điểm b khoản 1 Điều 50 của Bộ luật Lao động năm 2012, thì: "*Người ký kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền*" và điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động năm 2019, thì: "*Người giao kết hợp đồng lao động không đúng thẩm quyền hoặc vi phạm nguyên tắc giao kết hợp đồng lao động quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật này*". Theo hướng dẫn tại Công văn số 1767/LĐTBXH-BHXH ngày 31/5/2022 về việc người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động của Bộ L thì: *"...Trường hợp người lao động mượn hồ sơ của người khác để giao kết hợp đồng lao động là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" theo quy định tại khoản 1 Điều 15 của Bộ luật Lao động và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động theo quy định tại khoản 2 Điều 16 của Bộ luật Lao động. Căn cứ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 49 của Bộ luật Lao động đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ...*". Do đó, có cơ sở xác định việc bà T mượn hồ sơ cá nhân của bà Y để giao kết hợp đồng lao động và tham gia bảo hiểm xã hội theo sổ BHXH từ tháng 07/2013 đến tháng 3/2014 tại Công ty TNHH N là hành vi vi phạm nguyên tắc "trung thực" và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin khi giao kết hợp đồng lao động, đây là trường hợp hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ.

[4] Từ những nhận định trên, có căn cứ chấp nhận yêu cầu của bà Lang Thị Y về việc yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lang Thị Y với Công ty TNHH N T1 bị vô hiệu theo quy định tại Điều 122, Điều 127 Bộ luật Dân sự.

[5] Tại khoản 5 Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự quy định về xem xét yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu, thỏa ước lao động tập thể vô hiệu:*"... Tòa án phải giải quyết hậu quả pháp lý của việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu"*, Tòa án chấp nhận yêu cầu của bà Y và ý kiến của bà về việc xác định người lao động tại Công ty TNHH N trong giai đoạn từ tháng 07/2013 đến tháng 03/2014 là bà Lang Thị T, không phải là bà Lang Thị Y. Bà T và bà Y có

quyền liên hệ cơ quan bảo hiểm xã hội có thẩm quyền để cải chính thông tin tại Sổ bảo hiểm xã hội mã số 7413201861.

[6] Về lệ phí: bà Lang Thị Y phải chịu theo quy định.

[7] Ý kiến và đề nghị của kiểm sát viên tại phiên họp phù hợp với nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

Từ các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 33; điểm d khoản 2 Điều 35; điểm v khoản 2 Điều 39; Điều 146; Điều 149; Điều 361; Điều 366; Điều 367; Điều 370; Điều 371; Điều 372; Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ khoản 1 Điều 17; khoản 2 Điều 19; Điều 50; Điều 51 và Điều 52 của Bộ luật Lao động năm 2012;

Căn cứ khoản 1 Điều 15; khoản 2 Điều 16; Điều 49; Điều 50 và Điều 51 của Bộ luật Lao động năm 2019;

Căn cứ Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu giải quyết việc lao động của bà Lang Thị Y.

2. Tuyên bố hợp đồng lao động giữa bà Lang Thị Y với Công ty TNHH N (theo số sổ BHXH 7413201861) là vô hiệu.

Xác định người lao động theo sổ bảo hiểm xã hội số 7413201861 không phải là bà Lang Thị Y, sinh năm 1993; giới tính: Nữ, quốc tịch: Việt Nam, căn cước công dân số: 038193046791. Bà Lang Thị Y và bà Lang Thị T được quyền liên hệ với C có thẩm quyền để tiến hành thủ tục cải chính thông tin tại sổ bảo hiểm xã hội mã số 7413201861.

2. Lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà Lang Thị Y phải chịu 300.000 (ba trăm nghìn) đồng, được khấu trừ tiền tạm ứng đã nộp theo biên lai thu số: 0005061 ngày 23/7/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố H.

3. Người yêu cầu, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong thời hạn 10 (mười) ngày, kể từ ngày nhận được quyết định. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị quyết định giải quyết trong thời hạn 10 (mười) ngày, Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Nơi nhận:
-TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
-VKSND Khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh;
- Phòng Thi hành án Dĩ An Khu vực 16-Thành phố Hồ Chí Minh
- Các đương sự;

THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

- Hồ sơ;
- Lưu./.

Phan Thị Hiền